TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 03-6 -2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Ông Lê Thành Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT – HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành T; cư trú tại: Tổ A, ấp D, xã C, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Linh H; cư trú tại: Tổ B, ấp D, xã C, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Trí T

2. Bà Nguyễn Thị Đ

Cùng cư trú tại: Tổ A, ấp D, xã C, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Chị Ngô Linh H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh và chị Ngô Linh H kết hôn vào năm 2015, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã C, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cự cãi nhau, chị H đã không còn chung sống với anh mà về nhà cha mẹ ruột từ ngày 30/4/2016 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Nhựt K, sinh ngày 12/12/2015, hiện tại cháu đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ anh có cho vợ chồng anh 14 chỉ vàng 24K gồm: 01 bông tai 01 chỉ, dây chuyền và mặt 06 chỉ, 01 lắc và vòng đeo tay 07 chỉ, toàn bộ số vàng do chị Ngô Linh H cất giữ. Anh yêu cầu chia đôi số vàng nêu trên cho anh và chị H mỗi người hưởng 07 chỉ vàng 24K, chị H phải giao lại cho anh 07 chỉ vàng 24K, giá vàng 4.160.000 đồng/chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2019 bị đơn chị Ngô Linh H trình bày: Về hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thành T. Về con chung: Chị đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngô Nhựt K.

Về tài sản chung: Chị không đồng ý chia đôi 14 chỉ vàng 24K theo yêu cầu của anh T, vì chị không có cất giữ, do sau ngày cưới thì bà Đ đã lấy lại và cất giữ số vàng này. Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Trí T trình bày: Trong ngày cưới vợ chồng bà có cho anh T và chị H 14 chỉ vàng 24K như anh T đã khai, số vàng đã cho vợ chồng bà không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 33, 59, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 91, 100 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a, b Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thành T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành T và chị Ngô Linh H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Thành T và chị Ngô Linh H về việc sau khi ly hôn, anh T và chị H thống nhất để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngô Nhựt K, nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngô Nhựt K, sinh ngày 12/12/2015 cho anh Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Ngô Linh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Thành T chưa yêu cầu nên chị Linh H chưa phải cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung: Buộc chị Ngô Linh H phải trả cho anh Nguyễn Thành T 07 (bảy) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tài sản nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về nợ chung: Không giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2020, bị đơn chị Ngô Linh H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc chị trả lại 07 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thành T và chị Ngô Linh H kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã M. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và hai người không còn chung sống với nhau. Về quan hệ hôn nhân và con chung, cấp sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H, giao con chung tên Nguyễn Ngô Nhựt K, sinh ngày 12/12/2015 cho anh Nguyễn Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng, phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét chị Ngô Linh H kháng cáo không đồng ý chia cho anh Nguyễn Thành T 07 chỉ vàng 24K do chị đã bán để chi tiêu hết số vàng này. Nhận thấy anh T và chị H đều thừa nhận số nữ trang ngày cưới do cha mẹ của anh T cho vợ chồng gồm có: 01 bông 01 chỉ vàng 24K, dây chuyền và mặt trọng lượng 06 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay và vòng tay trọng lượng 07 chỉ vàng 24K, tổng cộng 14 chỉ vàng 24K. Đây là tài sản được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân, căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì đây là tài sản chung của vợ

chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H thừa nhận chị có quản lý toàn bộ số vàng nêu trên nhưng chị cho rằng đã bán để trị bệnh và chi tiêu khi sinh con. Việc bán số vàng nêu trên anh T không biết, bán ở tiệm nào, giá bao nhiêu chị không trình bày được. Lời khai của chị H tại cấp sơ thẩm và lời trình bày của chị tại phiên tòa phúc thẩm về việc quản lý số vàng nêu trên có mâu thuẫn, khi thì chị cho rằng mẹ chồng giữ, khi chị cho rằng chị giữ nhưng đã bán và chi tiêu hết.Tại phiên tòa phúc thẩm chị thừa nhận toàn bộ chi sinh sinh đẻ và chăm sóc sau khi sinh con đều do bên chồng lo chi phí, chị cho rằng bán số vàng để trị bệnh do chị bị trầm cảm nhưng anh T không thừa nhận, chị không xuất trình được các toa thuốc khám chữa bệnh trầm cảm để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận chị đã chi hết số vàng trên cho nhu cầu thiết yếu của vợ chồng.

Vì vậy anh T yêu cầu được chia đôi cho anh và chị H mỗi người hưởng ½ số vàng nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do chị H đang quản lý 14 chỉ vàng 24 K chị phải giao lại cho anh T được hưởng 07 chỉ vàng 24 K. Cấp sơ thẩm không tuyên cho chị H hưởng 07 chỉ vàng 24 K là thiếu sót, vì vậy cần sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Chị H và anh T đều được chia cho mỗi người hưởng 07 chỉ vàng 24K, nên phải chịu án phí trên số tài sản mình được hưởng như cấp sơ thẩm đã xác định và tính án phí là đúng. Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H và sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của anh T đòi chị H chia cho anh được hưởng 07 chỉ vàng 24K, do chị H đã chi xài hết số vàng này. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định nêu trên nên không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H và sửa một phần Bản án số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Vĩnh Long;

Áp dụng các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 2, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, b Khoản 5 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về tài sản chung:

- Chia cho anh Nguyễn Thành T được hưởng 07 (bảy) chỉ vàng 24K.

- Chia cho chị Ngô Linh H được hưởng 07 (bảy) chỉ vàng 24K.

Chị H đang quản lý 01 bông 01 chỉ vàng 24K, dây chuyền và mặt trọng lượng 06 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay và vòng tay trọng lượng 07 chỉ vàng 24 K, tổng cộng 14 chỉ vàng 24K; buộc chị Ngô Linh H có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Thành T 07 (bảy) chỉ vàng 24K.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch về quan hệ hôn nhân.

- Chị H và anh T mỗi người phải chịu 1.456.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tài sản được hưởng.

Số tiền anh T nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 9635 và 1.246.000 đồng theo biên lai số 9636, ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M được khấu trừ, anh còn phải nộp 210.000 đồng. Số tiền chị H nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 10066 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M được khấu trừ, chị còn phải nộp 1.156.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về con chung, không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDTXM: 01;
- THADSTXM: 02b;
- Đ/sự: 04b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn